SỞ Y TẾ NGHỆ AN **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 361 /QĐ-KSBT	*Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2).

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-KSBT ngày 13/10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An về việc bố trí nguồn vốn thực hiện: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-KSBT ngày 14/10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An phê duyệt danh mục, dự toán mua sắm: "Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2);

Theo đề nghị của Tổ tư vấn mua sắm, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng năm 2026 tại tờ trình số 1459/TTr-TMS ngày 15/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Tổ tư vấn mua sắm, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng năm 2026, phòng Tài chính kế toán, Khoa Dược - VTYT, phòng Kế hoạch nghiệp vụ và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BGĐ Trung tâm (để biết);
- Lưu: VT, Dược- VTYT, Tổ mua sắm.

GIÁM ĐỐC



Chu Trọng Trang

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2).

(Kèm theo Quyết định số 361 /QĐ-KSBT ngày 15 /10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2)	Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2), gói thầu gồm 123 danh mục được chia thành 2 phân lô (1 phân lô bảo dưỡng gồm 28 danh mục, 1 phân lô hiệu chuẩn gồm 95 danh mục)	142.890.000 đồng	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An được bố trí tại Quyết định số 354/QĐ-KSBT ngày 13/10/2026 của Trung tâm	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (Không quá 31/12/2026)	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu			**142.890.000 đồng** ***(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)***								

Phụ lục 02

Danh mục Bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An năm 2026 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 361 /QĐ-KSBT ngày 15 /10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch
I	**Hiệu chuẩn thiết bị**					**84,840,000**
1	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin Mã thiết bị: 191348/191356 Hãng sx/ Nước sản xuất: Medical Systems Model:TCW 4000AC	2	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	1,680,000
2	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin Mã thiết bị: 4231500/4231498/4231495 Hãng sx/ Nước sản xuất: Luxembourg Model:TCW 3000AC	3	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	2,520,000
3	Buồng Lạnh Mã thiết bị: BL Hãng sx/ Nước sản xuất: Việt Nam	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	1,260,000	1,260,000
4	Tủ lạnh Mã thiết bị: BE07F4EONO00EI8F0017 Hãng sx/ Nước sản xuất: Medical Systems Model: HBC -70	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
5	Tủ đông bảo quản vắc xin và bình tích lạnh Mã thiết bị: 20213662048 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đenmark Model: MF314	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
6	Tủ Lạnh Mã thiết bị: 8152249 Hãng sx/ Nước sản xuất: Luxembourg Model: TFW 800	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000

16	Tủ sấy dụng cụ (180-200l) Hãng sx/ Nước sản xuất: Menmert GmbH+Co.KG-Đức Model: UN260	2	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	1,680,000
17	Máy xét nghiệm nước tiểu Mã thiết bị: XNSD011 Hãng sx/ Nước sản xuất: CLINITEK Status/Đức Model: NY10591	1	Máy	Phân tích các chỉ tiêu nước tiểu: pH, NIT, GLU, PRO, BLD, KET, BLI, URO, SG	5,250,000	5,250,000
18	Máy xét nghiệm nước tiểu Mã thiết bị: XNSD012 Hãng sx/ Nước sản xuất: CLINITEK Status/Đức Model: NY10591	1	Máy	Phân tích các chỉ tiêu nước tiểu: pH, NIT, GLU, PRO, BLD, KET, BLI, URO, SG	5,250,000	5,250,000
19	Tủ sấy Mã thiết bị: XNVS 11 Hãng sx/ Nước sản xuất: Indonesia Model: LDO 150F	1	Tủ	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
20	Máy li tâm lạnh 14.000v/p Mã thiết bị: XNST06.1 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model:HERMLE Z216MK	1	Cái	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay: (500 to 20000)rpm Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	1,260,000	1,260,000
21	Máy Ủ nhiệt Mã thiết bị: XNST07 Hãng sx/ Nước sản xuất: CHN Model: LATNET	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
22	Tủ an toàn sinh học Mã thiết bị: XNHIV005 Hãng sx/ Nước sản xuất: Thái Lan Model: 0123B-A2	1	Cái	Thử nghiệm độ rò rỉ filter Thử nghiệm hình thái dòng khí Phép thử độ ồn Phép thử tốc gió vào Phép thử tốc độ gió xuống Thử nghiệm hiệu suất hệ số lọc Phép thử cường độ ánh sáng tím	3,675,000	3,675,000

31	Máy đo pH Mã thiết bị: XNHL21 Hãng sx/ Nước sản xuất: Mỹ Model: Inolab pH 7310	1	Cái	Hiệu chuẩn PH tại 4;7;10	840,000	840,000
32	Máy quang phổ hấp thụ phân tử Mã thiết bị: XNHL20 Hãng sx/ Nước sản xuất: Nhật Bản Model: U-2910	1	Cái	Chính xác bước sóng: (190 to 700) nm Chính xác hấp thu: (0 to 2) Abs hiệu chuẩn 1 kỹ thuật kèm 1 nguyên tố	3,150,000	3,150,000
33	Cân phân tích Mã thiết bị: XNHL97 Hãng sx/ Nước sản xuất: METTLER-TOLEDO/ Thụy Sĩ- Model: MA204	1	Cái	Hiệu chuẩn khối lượng	630,000	630,000
34	Máy quang phổ hấp thụ phân tử UV-VIS Mã thiết bị: XNHL80 Hãng sx/ Nước sản xuất: Nhật Bản Model: UV-1800	1	Cái	Chính xác bước sóng: (190 to 920 nm) Chính xác hấp thu: (0 to 2) Abs	3,150,000	3,150,000
35	Cân phân tích Mã thiết bị: XNHL34 Hãng sx/ Nước sản xuất: Sartorius -Đức Model: Quintix 125D-1S	1	Cái	Hiệu chuẩn khối lượng	630,000	630,000
36	Nồi cách thủy (Bể điều nhiệt) Mã thiết bị: XNHL93 Hãng sx/ Nước sản xuất: Lab Tech-Hàn Quốc Model: LWB-111D	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
37	Máy đo nhiệt độ 2 kênh Mã thiết bị: XNHL09 Hãng sx/ Nước sản xuất: Extech, Taiwan Model: EA10	1	Cái	Hiệu chuẩn 3 điểm nhiệt độ : (-40 ÷ 650)°C	525,000	525,000
38	Hệ thống BOD (24 vị trí) Mã thiết bị: XNHL16 Hãng sx/ Nước sản xuất: Mỹ Model:Oxitop - IDS IS 12 & Multi 3620 IDS & TS 608- G/2-i	1	Hệ thống	Hiệu chuẩn TS 608- G/2-I Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000

47	Cân kỹ thuật Mã thiết bị: XNVS 35 Hãng sx/ Nước sản xuất: Sartorius/Đức Model: CPA4202S-24502092	1	Cái	Hiệu chuẩn khối lượng	840,000	840,000
48	Cân kỹ thuật Mã thiết bị: XNVS 40 Hãng sx/ Nước sản xuất: Sartorius/Đức Model: QUINTIX1102-1S 4490348	1	Cái	Hiệu chuẩn khối lượng	840,000	840,000
49	Máy li tâm lạnh 14.000v/p Mã thiết bị: XNST06.2 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: HERMLE Z216MK	1	Cái	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay: (500 to 20000)rpm Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	1,260,000	1,260,000
50	Tủ ATSH Mã thiết bị: XNVS 17 Hãng sx/ Nước sản xuất: JOUANSA/Nhật Model: 32012085	1	Tủ	Thử nghiệm độ rò rỉ filter Thử nghiệm hình thái dòng khí Phép thử độ ồn Phép thử tốc gió vào Phép thử tốc độ gió xuống Thử nghiệm hiệu suất hệ số lọc Phép thử cường độ ánh sáng tím	3,675,000	3,675,000
51	Máy Ly tâm Mã thiết bị: XNSD015 Hãng sx/ Nước sản xuất: Mỹ Model: C309 -594 - USA	1	Máy	Hiệu chuẩn tốc độ vòng quay: (500 to 20000)rpm	840,000	840,000
52	Tủ ấm Mã thiết bị: XNVK016 Hãng sx/ Nước sản xuất: SANYO/Nhật Bản Model: MIR-162	1	Cái	Hiệu chuẩn 1 điểm nhiệt: (-80 to 300)°C	840,000	840,000
53	Pipet GENEX Mã thiết bị: XNSD018 Hãng sx/ Nước sản xuất: Phần Lan Model: 20-200 ul	1	Chiếc	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
54	Pipet Genex Mã thiết bị: XNSD021 Hãng sx/ Nước sản xuất: Phần Lan Model:100-1000 ul	1	Chiếc	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000

64	Pipet 4u PRO 100-1000ul Mã thiết bị: XNST24 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model:PF181537	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
65	Pipet 4u PRO 100-1000ul Mã thiết bị: XNST24 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: PF181637	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
66	Pipet 4u PRO 2-20ul Mã thiết bị: XNST26 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: LK680097	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
67	Pipet 4u PRO 2-20ul Mã thiết bị: XNST26 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: LK 177519	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
68	Pipet 4u PRO 2-20ul Mã thiết bị: XNST26 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: LK 181435	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
69	Pipet 4u PRO 2-20ul Mã thiết bị: XNST26 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: LK 177542	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
70	Pipet 4u PRO 20-200ul Mã thiết bị: XNST25 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: OE10561	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
71	Pipet 4u PRO 20-200ul Mã thiết bị: XNST25 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: PB128767	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000

80	Pipet 100-1000µl Mã thiết bị: XNKT08.4 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Dragon Lab/ YE171AA0167567	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
81	Pipet 5-10µl Mã thiết bị: XNKT08.6 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Dragon Lab/ DY66586	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
82	Pipet 5-10µl Mã thiết bị: XNKT08.7 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Dragon Lab/ YE201AM0097819	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
83	Pipet 10-100µl Mã thiết bị: XNKT08.8 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Dragon Lab/ YE201AM0092064	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
84	Micropipette 1000 ul Mã thiết bị: XNVS 32 Hãng sx/ Nước sản xuất: Eppendorf/Đức Model: 1043403	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
85	Micropipette-100ul Mã thiết bị: XNVS 13 Hãng sx/ Nước sản xuất: Eppendorf/Đức Model: m20774F	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
86	Pipet 10-100µl Mã thiết bị: XNKT08.10 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Dragon Lab/ YE5a414946	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	315,000	315,000
87	Pipet 8 kênh 50-300 µl Mã thiết bị: XNKT08.1 Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Genex Beta/ 11044582	1	Cái	Hiệu chuẩn thể tích	1,050,000	1,050,000

1	Máy đốt điện CTC Hãng sx/ Nước sản xuất: ALSA/Ý Model: LSU100 3113-12/11	1	Cái	Vệ sinh thân máy, bảng điều khiển Kiểm tra dây nguồn, tiếp địa Kiểm tra cổng kết nối (dao điện, pedal, plate trung tính) Kiểm tra pedal (đạp, tín hiệu) Kiểm tra chức năng CUT / COAG / BIPOLAR Kiểm tra công suất đầu ra (ổn định, không dao động) Kiểm tra hệ thống cảnh báo (âm thanh, lỗi) Kiểm tra quạt tản nhiệt, khe thông gió Test hoạt động thực tế (đốt thử tải giả) Kiểm tra ngoại quan, cháy xém, lỏng jack	918,000	918,000
2	Máy áp lạnh CTC Hãng sx/ Nước sản xuất: LEiSEGANG/ ĐỨC Model: LEiSEGANG LM-900	1	Cái	Vệ sinh thân máy, tay cầm, bảng điều khiển Vệ sinh đầu dò (probe) sau sử dụng (không để bám dịch) Kiểm tra kết nối khí (CO_2/N_2O), dây dẫn khí Kiểm tra áp suất làm việc (đồng hồ áp) Kiểm tra van điều khiển, cò bóp (trigger) Kiểm tra độ kín hệ thống (không rò khí) Kiểm tra chức năng freeze/defrost Kiểm tra hệ thống xả khí (exhaust) Test hoạt động thực tế (đóng băng ổn định) Kiểm tra ngoại quan, móp méo, lỏng khớp	918,000	918,000
3	Nồi hấp tiệt trùng Hãng sx/ Nước sản xuất: TVUMENDK Medico/Nga Model: TVUMENDK BK75-01	1	Cái	Kiểm tra và vệ sinh buồng hấp, loại bỏ cặn bẩn hoặc tích tụ khoáng chất để duy trì hiệu suất hoạt động. Kiểm tra nhiệt độ và áp suất, đảm bảo thiết bị hoạt động đúng thông số kỹ thuật. Kiểm tra và vệ sinh van an toàn, van xả, đảm bảo không bị tắc nghẽn hoặc rò rỉ. Kiểm tra hệ thống làm nóng, đảm bảo điện trở nhiệt hoạt động ổn định. Kiểm tra hệ thống điện, dây nguồn, phích cắm, đảm bảo an toàn khi vận hành. Kiểm tra gioăng cửa, đề xuất thay thế nếu có dấu hiệu hư hỏng để duy trì áp suất và nhiệt độ trong buồng hấp. Kiểm tra các cảm biến nhiệt và áp suất, đảm bảo hoạt động chính xác.	1,134,000	1,134,000

7	Máy giặt công nghiệp Hãng sx/ Nước sản xuất: FAGOR INDUSTRIAL. S. Coop/Tây Ban Nha Model: LN-35C TP2E	1	Cái	Vệ sinh thân máy, lồng giặt Vệ sinh ngăn cấp hóa chất Kiểm tra cửa máy, gioăng, khóa cửa Kiểm tra dây curoa, cơ cấu quay lồng Kiểm tra hệ thống cấp/xả nước Kiểm tra hệ thống gia nhiệt Kiểm tra động cơ, biến tần Kiểm tra bảng điều khiển, chương trình giặt Kiểm tra nguồn điện, tiếp điểm Test vận hành thực tế (giặt + vắt ổn định) Kiểm tra ngoại quan	3,564,000	3,564,000
8	Nồi hấp tiệt trùng (>= 200 lít) Hãng sx/ Nước sản xuất: Việt Nam Model: NHTQ200	1	Cái	Kiểm tra và vệ sinh buồng hấp, loại bỏ cặn bẩn hoặc tích tụ khoáng chất để duy trì hiệu suất hoạt động. Kiểm tra nhiệt độ và áp suất, đảm bảo thiết bị hoạt động đúng thông số kỹ thuật. Kiểm tra và vệ sinh van an toàn, van xả, đảm bảo không bị tắc nghẽn hoặc rò rỉ. Kiểm tra hệ thống làm nóng, đảm bảo điện trở nhiệt hoạt động ổn định. Kiểm tra hệ thống điện, dây nguồn, phích cắm, đảm bảo an toàn khi vận hành. Kiểm tra gioăng cửa, đề xuất thay thế nếu có dấu hiệu hư hỏng để duy trì áp suất và nhiệt độ trong buồng hấp. Kiểm tra các cảm biến nhiệt và áp suất, đảm bảo hoạt động chính xác.	1,134,000	1,134,000
9	Tủ sấy dụng cụ (180-200l) Hãng sx/ Nước sản xuất: Menmert GmbH+Co.KG-Đức Model: UN260	2	Cái	Kiểm tra bộ điều khiển nhiệt độ để đảm bảo sấy ở nhiệt độ chính xác. Kiểm tra và vệ sinh thanh gia nhiệt, đảm bảo không bị bám bụi hoặc ăn mòn. Kiểm tra quạt đối lưu, vệ sinh cánh quạt và đảm bảo hoạt động ổn định. Kiểm tra gioăng cửa Kiểm tra và vệ sinh bộ lọc không khí (nếu có), đảm bảo luồng khí lưu thông tốt. Kiểm tra hệ thống dây điện, cảm biến nhiệt và các kết nối để đảm bảo an toàn vận hành.	1,134,000	2,268,000

13	Tủ ATSH Class II Mã thiết bị: XNST19 Hãng sx/ Nước sản xuất: Nhật Model: LA2-5A1 2007 - 24823	1	Tủ	Kiểm tra bộ lọc HEPA nếu có dấu hiệu tắc nghẽn hoặc suy giảm hiệu suất. Kiểm tra và hiệu chuẩn luồng khí để đảm bảo tốc độ và hướng khí đạt tiêu chuẩn an toàn. Vệ sinh quạt gió, kiểm tra hoạt động của hệ thống quạt để đảm bảo luồng không khí ổn định. Kiểm tra và vệ sinh bề mặt bên trong. Kiểm tra cảm biến và hệ thống báo động, đảm bảo hoạt động chính xác. Kiểm tra và vệ sinh đèn UV, thay thế nếu công suất chiếu sáng giảm. Kiểm tra hệ thống điện, dây nguồn, phích cắm và công tắc để đảm bảo an toàn	1,458,000	1,458,000
14	Tủ sấy Mã thiết bị: XNHL87 Hãng sx/ Nước sản xuất: Korea Model: JSOF-153P	1	Cái	Kiểm tra và hiệu chuẩn bộ điều khiển nhiệt độ để đảm bảo sấy ở nhiệt độ chính xác. Kiểm tra và vệ sinh thanh gia nhiệt, đảm bảo không bị bám bụi hoặc ăn mòn. Kiểm tra quạt đối lưu, vệ sinh cánh quạt và đảm bảo hoạt động ổn định. Kiểm tra gioăng cửa Kiểm tra và vệ sinh bộ lọc không khí đảm bảo luồng khí lưu thông tốt. Kiểm tra hệ thống dây điện, cảm biến nhiệt và các kết nối để đảm bảo an toàn vận hành	972,000	972,000
15	Máy xét nghiệm Huyết học Mã thiết bị: XNSD001 Hãng sx/ Nước sản xuất: Symes/ Nhật Bản Model: SymesXN-330	1	Máy	Bảo dưỡng máy - Vệ sinh về mặt máy - Vệ sinh bên trong máy: + Nguồn kết nối + Thổi bụi vệ sinh bo mạch + Vệ sinh các giắc cắm + Lau chùi vệ sinh buồn đếm Bạch Cầu - Chạy test máy. - Máy hoạt động bình thường	1,944,000	1,944,000
16	Máy Realtime PCR Mã thiết bị: XNST42 Hãng sx/ Nước sản xuất: Đức Model: ROTO GEN-Q	1	Cái	Kiểm tra và vệ sinh thiết bị - Kiểm tra độ chính xác, hiệu chỉnh trong phạm vi khi cần thiết	5,400,000	5,400,000

20	Máy xét nghiệm Huyết học Mã thiết bị: XNSD006 Hãng sx/ Nước sản xuất: Njhon/Nhật Bản Model:MERK 6510K	1	Máy	Vệ sinh thân máy, màn hình, khu vực thao tác Vệ sinh kim hút mẫu (sampling probe) Vệ sinh đường dẫn mẫu và buồng đo (fluid path) Kiểm tra hệ thống bơm (pump), hút/xả ổn định Kiểm tra cảm biến và buồng đo (aperture) Kiểm tra bộ lưu trữ dữ liệu Kiểm tra kết nối (máy in, LIS) Kiểm tra các chế độ đo, thông số hiển thị Kiểm tra log lỗi hệ thống Test chạy mẫu trắng / mẫu QC Kiểm tra nguồn điện, tiếp điểm Kiểm tra ngoại quan	1,944,000	1,944,000
21	Máy xét nghiệm nước tiểu Mã thiết bị: XNSD011 Hãng sx/ Nước sản xuất: CLINITEK Status/Đức Model: NY10591	1	Máy	Kiểm tra đầu đọc quang học, đảm bảo kết quả đo chính xác. Hiệu chuẩn máy, đảm bảo độ chính xác khi phân tích mẫu. Kiểm tra và vệ sinh hệ thống nạp và đẩy que thử, tránh kẹt hoặc sai lệch khi vận hành. Vệ sinh bề mặt máy, bàn phím và màn hình hiển thị, đảm bảo hoạt động trơn tru. Kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống in (nếu có), thay giấy in và kiểm tra đầu in. Kiểm tra nguồn điện, dây cáp kết nối, đảm bảo an toàn và ổn định khi sử dụng. Vệ sinh tổng thể vỏ máy, đảm bảo thiết bị sạch sẽ, tránh ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài.	486,000	486,000
22	Máy xét nghiệm nước tiểu Mã thiết bị: XNSD012 Hãng sx/ Nước sản xuất: CLINITEK Status/Đức Model: NY10591	1	Máy	Kiểm tra đầu đọc quang học, đảm bảo kết quả đo chính xác. Hiệu chuẩn máy, đảm bảo độ chính xác khi phân tích mẫu. Kiểm tra và vệ sinh hệ thống nạp và đẩy que thử, tránh kẹt hoặc sai lệch khi vận hành. Vệ sinh bề mặt máy, bàn phím và màn hình hiển thị, đảm bảo hoạt động trơn tru. Kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống in (nếu có), thay giấy in và kiểm tra đầu in. Kiểm tra nguồn điện, dây cáp kết nối, đảm bảo an toàn và ổn định khi sử dụng. Vệ sinh tổng thể vỏ máy, đảm bảo thiết bị sạch sẽ, tránh ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài.	486,000	486,000

27	Máy siêu âm 2D đen trắng Hãng sx/ Nước sản xuất: Trung Quốc Model: Sonoscape	1	Cái	Vệ sinh thân máy, màn hình, bàn phím điều khiển Vệ sinh đầu dò (lau gel, không để đọng dịch) Kiểm tra dây đầu dò (gập, nứt, đứt ngầm) Kiểm tra cổng kết nối đầu dò (lỏng, tiếp xúc kém) Kiểm tra quạt tản nhiệt, khe thông gió (bụi bẩn) Kiểm tra nguồn điện, dây nguồn, tiếp địa Kiểm tra ổ cứng / bộ nhớ lưu trữ Kiểm tra chức năng hiển thị hình ảnh (độ nét, nhiễu) Kiểm tra các mode cơ bản (2D, đo kích thước, freeze, lưu ảnh) Kiểm tra bàn phím, trackball, núm xoay điều khiển Test hoạt động thực tế (quét thử phantom hoặc thực tế) Kiểm tra ngoại quan, bánh xe (nếu máy xe đẩy)	1,944,000	1,944,000
28	Máy siêu âm 3D SonixTouch Mã thiết bị: XNSA04 Hãng sx/ Nước sản xuất: Ultrasonix Medical Corporation -Canada Model: SXTHPL101512V0170	1	Máy	Kiểm tra chất lượng và vệ sinh đầu dò siêu âm, đảm bảo không bị nứt, trầy xước hoặc hư hỏng. Vệ sinh và kiểm tra bàn phím, nút điều khiển,. Kiểm tra và vệ sinh hệ thống quạt tản nhiệt Kiểm tra hệ thống điện, dây nguồn, cổng kết nối, đảm bảo an toàn và ổn định. Vệ sinh tổng thể vỏ máy, đảm bảo thiết bị luôn sạch sẽ, tránh bụi bẩn làm ảnh hưởng đến linh kiện bên trong	2,970,000	2,970,000
	Tổng cộng I+II:					**142,890,000**
Bằng chữ : Một trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng./.						